

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30 /2021/HNGĐ- ST
Ngày 28/9/2021
(V/v: Ly hôn và nuôi con chung)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG – TỈNH HẢI DƯƠNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Minh Hải.**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Tất Trọng** và ông **Vũ Duy Tuấn.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Mạnh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa Ông **Vũ Đình Phương** - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 07 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 9 tháng 9 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 22 ngày 22/ 9/2021; giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1981(Có đơn xin xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn ĐC xã HD, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

2.Bị đơn: Anh **Hà Duy H**, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn LT, xã TH, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

3.Người làm chứng: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1952.Trú tại: Thôn ĐC, xã HD, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt)

Bà: Hà Thị G, sinh năm 1949.Trú tại: Thôn LT, xã TH, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau: Chị Nguyễn Thị T trình bày ; Chị và anh H kết hôn với nhau tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, được Ủy ban nhân dân xã NT (nay là xã TH), huyện Ninh Giang, tỉnh

Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/03/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh, chị chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, anh H hay đi chơi bởi không tu chí làm ăn, chị T có tham gia góp ý, anh không nghe nên có xảy ra việc đánh cãi chửi nhau, gia đình chị và gia đình anh H đã hòa giải nhiều lần nhưng anh H không cải sửa tính nết. Vào khoảng năm 2018 anh H đã bị Công an huyện Ninh Giang bắt tại quán karaoke PA ở Cầu Đất - Vĩnh Hòa- Ninh Giang về hành vi cùng nhau tập trung hát karaoke và trong nhóm có sử dụng ma túy bị xử lý hành chính, từ đó mâu thuẫn ngày càng nhiều kéo dài và trầm trọng, hai bên đã sống ly thân vào năm 2020 và mới đây từ tháng 6/2021. Đến nay chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh H không thể hàn gắn được nữa, chị không thể sống chung với người chồng không có trách nhiệm với gia đình, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh H để giải phóng cho hai bên.

*Về con chung : Chị T xác định có hai con chung là Hà Duy Hoàng A sinh năm 20/4/ 2014 và Hà Duy Gia K sinh năm 02/10/2016. Hiện hai cháu đang ở cùng chị từ cuối tháng 8/2021. Nay ly hôn chị xin nuôi cháu K, anh H nuôi cháu A. Hai bên không phải cấp dưỡng cho nhau.

*Về tài sản chung : Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai bị đơn anh Hà Duy H trình bày: Anh và chị T kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NT (nay là xã TH). Quá trình sống chung do bất đồng về quan điểm nên có nhiều mâu thuẫn, chị T đã hai lần bỏ về gia đình nhà mẹ đẻ ở, lần thứ nhất vào năm 2019 và lần thứ 2 vào tháng 5 /2021 đến nay. Chị T xin ly hôn, mong muốn của anh là vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị T Cương quyết xin ly hôn, ý kiến của hai bên gia đình nếu đồng ý, anh sẽ làm đơn ly hôn vì anh cưới hỏi chị T được sự đồng ý của hai bên gia đình khi ly hôn hai gia đình phải đồng ý.

* Về Con chung: Anh H xác định có hai con chung là Hà Duy Hoàng A sinh năm 2014 và Hà Duy Gia K sinh năm 2016, nếu ly hôn anh tự nguyện xin nuôi 02 con.

*Về tài sản chung : Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Lời khai của của bà L, mẹ đẻ chị T trình bày: Chị T và anh H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NT nay là xã TH có cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Theo Bà L được biết mâu thuẫn giữa chị T và anh H xảy ra đã lâu và kéo dài là do anh H không tu chí làm ăn, hai bên không có tiếng nói chung, anh H đi làm không có tiền mang về. suốt ngày đi hát karaoke, một mình chị T phải nuôi con. Mâu thuẫn nhiều lần xảy ra, năm 2020 chị T đã bỏ về gia đình nhà bà ở, anh H và gia đình có đến xin lỗi và mong muốn để hai bên quay về đoàn tụ. Gia đình bà cũng động viên để chị T quay về đoàn tụ và chị T đã quay về, nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do anh H không thay đổi tính nết, gần đây vào tháng 6/2021 chị T tiếp tục về sống tại gia đình bà. Anh H có đến gia đình

bà không phải đón chị T mà chỉ nói về khuyết điểm của chị T, bà có tham gia góp ý với anh H về sửa đổi tính nết và tập trung làm ăn thì anh H nổi khùng với bà và bỏ về. Đến nay quan điểm của bà nhận xét; anh H có hứa sửa chữa nhưng không thay đổi, nên bà nhận thấy hai bên không thể hòa hợp được vì đã cho nhau nhiều cơ hội, đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên ly hôn để ổn định cuộc sống vì bà sợ anh H nổi nóng lên rồi chị T lại thiệt thân.

*Lời khai của bà Hà Thị G là mẹ đẻ anh H trình bày: Anh H và chị T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NT nay là xã TH có cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh H và chị T là do anh H đi cai thầu công trình có công trình có lỗi có công trình không, có tiền dư giả anh H sắm sửa trong gia đình nên không có tiền đưa cho chị T dẫn đến trong cuộc sống có nhiều bất đồng, không có tiếng nói chung, hai bên cũng có xảy ra xô xát. Do mâu thuẫn vợ chồng năm 2020 chị T đã bỏ về sống tại gia đình bố mẹ đẻ, mới đây từ tháng 5/2021 chị T xin phép về sống tại nhà bố mẹ đẻ. Nay chị T xin ly hôn gia đình bà mong muốn đoàn tụ, nếu chị T cương quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*Xác minh tại UBND và Thôn LT xã TH được cung cấp như sau; chị T không làm đơn ra UBND xã TH để hòa giải mà gửi đơn xuống Tòa án, qua năm bắt nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh H và chị T là do khó khăn về kinh tế, vợ chồng không bao ban được nhau, anh H có chơi bời ảnh hưởng kinh tế gia đình. Hai bên không xảy ra xô xát mà chính quyền phải can thiệp. Nay chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị T có đơn xin xử vắng mặt, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Hà Duy H không thay đổi, bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sau (sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký từ khi thụ lý cho đến trước khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS năm 2015. Đối với bị đơn: Anh Hà Duy H chỉ có mặt để nộp 01 bản tự khai, còn lại vắng mặt khi được Tòa án triệu tập đến ghi lời khai, tham gia phiên hòa giải, phiên họp và tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh H vắng mặt hầu hết trong các buổi làm việc không có lý do đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015. Áp dụng Điều 39 BLDS, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, điều 82 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Hà Duy H.

- Về con chung: Giao cháu Hà Duy Gia K cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu Hà Duy Hoàng A cho anh Hà Duy H nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật TTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, nhận thấy:

[1]**Về tố tụng:** Anh H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, anh H đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H, là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T có đơn xin xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] **Về nội dung:** Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hà Duy H hoàn toàn tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã NT(nay là xã TH), huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/03/2012, tại thời điểm kết hôn chị T và anh H hoàn toàn tự nguyện, không bị gò ép, điều đó thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, hội đồng xét xử thấy:* Sau khi kết hôn vợ chồng chị T, anh H chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu. Nguyên nhân do hai bên bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, anh H không tập trung làm ăn hay đi chơi bời, chị T nói không nghe nên hai bên xảy ra việc đánh cãi chửi nhau, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng anh H không cải sửa tính nết dẫn đến mâu thuẫn ngày càng sâu sắc và trầm trọng. Cũng do anh H chơi bời theo chị T trình bày, năm 2018 anh H đã bị Công an huyện Ninh Giang bắt tại quán karaoke PA ở Cầu Đất - Vĩnh Hòa- Ninh Giang về hành vi cùng nhau tập trung hát karaoke và trong nhóm có sử dụng ma túy bị xử lý hành chính, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều, sâu sắc kéo dài không thể cải thiện được. Hai bên sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Tòa án đã báo anh H đến phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H không đến, Tòa án gọi đến số 0983569225 là số điện thoại của anh H, anh H nghe máy nói bận không xuống. Anh H không muốn ly hôn nhưng anh không xuống tham gia phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh không thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ, cũng như muốn hằn gấn tình cảm vợ chồng. Mặt khác chính anh H có bản tự khai xác định, quá trình sống chung do bất đồng về quan điểm nên hai bên có nhiều mâu thuẫn, chị T đã hai lần bỏ về gia đình nhà mẹ đẻ ở, lần thứ nhất vào năm 2019 và lần thứ 2 vào tháng 5 /2021. Nay chị T xin ly hôn mong muốn

của anh là đoàn tụ, nếu chị T cương quyết xin ly hôn nếu hai bên gia đình đồng ý, anh sẽ làm đơn ly hôn. Quan điểm của chị T xin ly hôn với anh H vì xét tình cảm vợ chồng không còn gì, không thể tiếp tục chung sống cùng anh H. Qua phân tích trên; Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn chị T, anh H đã thực sự trầm trọng, chị T, anh H đều không còn tình cảm với nhau, không còn yêu thương nhau, đời sống chung không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn với anh H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình

[4] **Về Con chung:** Chị T anh H đều xác định có hai con chung là Hà Duy Hoàng A sinh ngày 20/4/ 2014 và Hà Duy Gia K sinh ngày 2/10/ 2016, nếu ly hôn anh H xin nuôi 02 con. Chị T đề nghị xin nuôi con Hà Duy Gia K, để anh H nuôi con Hà Duy Hoàng A. HĐXX thấy rằng: Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ, chồng thỏa thuận về trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ quyền lợi về mọi mặt của con, nếu con từ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Quan điểm của anh H và chị T xin nuôi con là chính đáng, chị T hiện là giáo viên mức thu nhập ổn định có thể đảm bảo nuôi 01 cháu, anh H làm nghề tự do nên việc giao hai con cho anh H nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo quyền lợi của con chung. Xét nguyện vọng của cháu A muốn ở cùng bố nên cần giao con Hà Duy Gia K cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Hà Duy Hoàng A cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình và quyền lợi của con chung.

[5] **Về tài sản chung :** Chị T và Anh H đều không yêu cầu giải quyết.

[6] **Về án phí :** Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, Xử cho chị **Nguyễn Thị T** ly hôn anh **Hà Duy H**.

Về Con Chung: Giao con Hà Duy Gia K sinh 02/10/2016 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con Hà Duy Hoàng A sinh ngày 20/4/ 2014 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi hai con đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Sau khi ly hôn, chị T, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Căn cứ Điều 146, Điều 147 BLTTDS. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T phải nộp 300.000đ được đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2018/0004540 ngày 20/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Về Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tất Trọng

Vũ Duy Tuấn

Vũ Minh Hải